

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

HIỆN TƯỢNG TRỘN MÃ TIẾNG VIỆT TRONG BỐI CẢNH TRUYỀN THÔNG SỐ ĐƯƠNG ĐẠI TRỊNH QUỲNH ĐÔNG NGHI*

TÓM TẮT: Bài báo khảo sát hiện tượng trộn mã trong tiếng Việt hiện đại trên các nền tảng truyền thông số, với cách tiếp cận liên ngành kết hợp giữa ngôn ngữ học xã hội, ngữ dụng học và truyền thông. Ngày nay, trộn mã không đơn thuần là hiện tượng ngoại biên của giao tiếp song ngữ mà đang dần trở thành một chiến lược ngôn ngữ phổ biến trong đời sống số người Việt, đặc biệt trong thói quen của giới trẻ. Bằng phương pháp phối hợp định tính và định lượng, bài viết phân tích hình thức, chức năng và động cơ giao tiếp của trộn mã, đồng thời đặt hiện tượng này trong bối cảnh toàn cầu hoá ngôn ngữ và truyền thông đa nền tảng. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng trộn mã phản ánh sự linh hoạt ngôn ngữ, sự dịch chuyển bản sắc văn hoá, và quá trình tái định vị tiếng Việt trong không gian giao tiếp hiện đại.

TỪ KHOẢ: trộn mã; tiếng Việt hiện đại; truyền thông số; bản sắc; toàn cầu hoá ngôn ngữ.

NHẬN BÀI: 20/04/2025.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 16/07/2025

1. Đặt vấn đề

Trộn mã - hay cụ thể hơn là hiện tượng trộn mã ngôn ngữ (*code-mixing*) - từng được xem là một "hiện tượng ngoại biên" trong ngôn ngữ học truyền thống, chủ yếu gắn liền với các cộng đồng song ngữ và các tình huống giao tiếp phi chính thức. Tuy nhiên, trong bối cảnh toàn cầu hoá và số hoá ngày càng sâu rộng, hiện tượng này đang dần chuyển dịch vào vị trí trung tâm trong các nghiên cứu về ngôn ngữ học xã hội và ngôn ngữ học ứng dụng.

Tại Việt Nam, sự phát triển mạnh mẽ của các nền tảng mạng xã hội toàn cầu như Facebook, TikTok, X (trước đây là Twitter) và sau này là Threads, đã tạo nên một hệ hình giao tiếp mới - nơi tiếng Việt không còn được sử dụng như một ngôn ngữ chuẩn mực, mà thường xuyên được pha trộn với các ngôn ngữ khác, đặc biệt là tiếng Anh. Sự lai ghép này không chỉ dừng lại ở cấp độ từ vựng mà còn mở rộng đến các cấu trúc cú pháp, biểu hiện ngôn ngữ và phong cách diễn ngôn, hình thành nên các dạng thức ngôn ngữ lai (*hybrid language*) ngày càng phong phú và năng động.

Dựa trên việc thu thập và phân tích dữ liệu từ các nền tảng mạng xã hội phổ biến, bài báo này hướng đến việc cung cấp một nghiên cứu toàn diện, kết hợp giữa định lượng (tần suất, mô hình trộn mã) và định tính (động cơ xã hội - văn hoá, tác động đến cấu trúc tiếng Việt hiện đại), nhằm góp phần làm rõ vai trò và ảnh hưởng ngày càng lớn của trộn mã trong bối cảnh ngôn ngữ Việt Nam đương đại.

2. Tổng quan vấn đề nghiên cứu

Hiện tượng trộn mã (*code-mixing*) là chủ đề đã thu hút sự chú ý mạnh mẽ trong lĩnh vực ngôn ngữ học xã hội và ngôn ngữ học ứng dụng. Trong hai thập kỷ qua, các công trình kinh điển như của Muysken (2000), Auer (1998), và Gumperz (1982) đã xây dựng nền tảng lý thuyết vững chắc cho việc tiếp cận hiện tượng trộn mã từ nhiều góc độ. Tổng quan các nghiên cứu quốc tế cũng cho thấy sự phát triển đa dạng của trộn mã trong các cộng đồng ngôn ngữ cụ thể: Hinglish tại Ấn Độ (Sharma, 2023), Taglish tại Philippines (Lesada, 2020), Arabizi ở vùng Vịnh (Al Khateeb, 2018) và Multicultural London English ở Anh (Kerswill, 2014). Các nghiên cứu này đều thống nhất rằng trộn mã không chỉ là hệ quả của tiếp xúc ngôn ngữ mà còn là chiến lược diễn ngôn mang tính bản sắc, phản ánh những thay đổi trong cấu trúc xã hội, ý thức hệ và ngữ cảnh giao tiếp đương đại.

Tại Việt Nam, đã có nhiều nghiên cứu về hiện tượng này. Chẳng hạn, Nguyễn Văn Khang (2012, 2023) từ góc độ Ngôn ngữ học xã hội đã nghiên cứu hiện tượng trộn ngữ nói chung (bao gồm chuyển mã và trộn mã) trong giao tiếp tiếng Việt và trong giao tiếp ngôn ngữ các ngôn ngữ dân tộc thiểu số.

*TS; Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng; Email: nghitrinh@gmail.com

Nguyễn Thị Huyền (2017) nghiên cứu hiện tượng trộn mã tiếng Anh trong giao tiếp tiếng Việt, tác giả tập trung vào giới trẻ thành thị. Nghiên cứu tập trung phân tích các hình thức, chức năng và nguyên nhân của hiện tượng trộn mã tiếng Anh trong giao tiếp tiếng Việt, đặc biệt trong giới trẻ thành thị. Tác giả vận dụng cách tiếp cận xã hội học ngôn ngữ để lý giải mối liên hệ giữa trộn mã và các yếu tố như bản sắc, thái độ ngôn ngữ và môi trường giao tiếp đa ngữ. Lê Thị Thùy Vinh (2024) khảo sát hiện tượng trộn mã trên báo điện tử Việt Nam. Tác giả đã phân tích tần suất, hình thức và mục đích của việc sử dụng tiếng Anh trong bài viết từ đó chỉ ra xu hướng dùng tiếng Anh để tạo tính thời sự và hiện đại.

3. Mục tiêu và phương pháp nghiên cứu

3.1. Mục tiêu nghiên cứu

Khảo sát định lượng tần suất và mô hình trộn mã trên Facebook, TikTok, X, YouTube, Zalo OA; Phân tích định tính các động cơ xã hội - văn hoá của trộn mã; Đánh giá tác động của trộn mã đến cấu trúc tiếng Việt hiện đại.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Thu thập ngữ liệu gồm 1.200 bài viết, bình luận công khai trong 2 năm 2023 & 2024; Mã hoá dữ liệu theo vị trí, loại từ, kiểu trộn mã (theo Muysken, 2000); Sử dụng phần mềm NVivo và AntConc để xử lý thống kê; Phân tích diễn ngôn các mẫu tương tác cao theo khung Gumperz (1982), Androutsopoulos (2006, 2007); So sánh với Hinglish, Taglish, Arabizi, và MLE để xác định đặc trưng riêng của trộn mã tiếng Việt.

4. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc nghiên cứu hiện tượng trộn mã trong tiếng Việt

4.1. Cơ sở lý thuyết

Để đánh giá đúng về hiện tượng trộn mã trong tiếng Việt, nghiên cứu này được xây dựng dựa trên khung lý thuyết kết hợp giữa lý thuyết về trộn mã (Muysken, 2000), lý thuyết về chức năng xã hội của mã ngôn ngữ (Gumperz, 1982) và cách thức phân tích diễn ngôn trong không gian số (Androutsopoulos, 2006, 2007) với các khái niệm chính lần lượt được trình bày sau đây.

4.1.1. Lý thuyết về trộn mã (Muysken, 2000)

Khái niệm trộn mã trong nghiên cứu này được tiếp cận theo khung phân loại của Muysken (2000), người đã đề xuất một typology ba dạng thức của trộn mã trong lời nói có sử dụng song ngữ:

Insertion (chèn xen): Sự đưa vào một từ, cụm từ hoặc đơn vị hình thái từ ngôn ngữ này vào khung cú pháp của ngôn ngữ kia.

Alternation (luân phiên): Sự chuyển đổi luân phiên giữa các ngôn ngữ, trong đó cả hai hệ thống ngữ pháp có thể hoạt động độc lập trong cùng một phát ngôn.

Congruent lexicalization (đồng cấu trúc từ vựng): Cả hai ngôn ngữ chia sẻ một cấu trúc cú pháp chung và cùng cung cấp các đơn vị từ vựng để hoàn thiện phát ngôn.

Khung phân loại này cho phép nhận diện kiểu trộn mã và mức độ pha trộn, từ đó phục vụ cho phân tích thống kê và đối chiếu với bối cảnh xã hội cụ thể. "Nghiên cứu về hiện tượng trộn mã... cho thấy những người sử dụng song ngữ tận dụng sự trùng lặp ngữ pháp giữa các ngôn ngữ của họ như thế nào." (Muysken, P., 2000, tr.5).

4.1.2. Lý thuyết về chức năng xã hội của mã ngôn ngữ (Gumperz, 1982)

John J. Gumperz (1982), đã định nghĩa về hiện tượng chuyển mã trong hội thoại, nhấn mạnh đến việc sử dụng đan xen hai ngôn ngữ (hoặc biến thể) trong cùng một cuộc trò chuyện. Tác giả cũng phân loại các chức năng của chuyển mã, bao gồm: 1/Trích dẫn (quotation): chuyển mã khi trích dẫn lời người khác; 2/Xác định người nghe (addressee specification): chuyển mã để hướng đến một đối tượng cụ thể; 3/Cảm thán (interjection): chuyển mã để biểu đạt cảm xúc; 4/Lặp lại (reiteration): chuyển mã để lặp lại thông tin nhằm nhấn mạnh hoặc làm rõ; 5/Bổ sung thông tin (message qualification): chuyển mã để bổ sung hoặc giải thích thông tin; 6/Nhân cách hoá hoặc khách quan hoá (personalization or objectivization): chuyển mã để thể hiện quan điểm cá nhân hoặc tạo sự khách quan. Những chức năng này giúp giải thích lý do xã hội và ngữ dụng của hành vi chuyển mã trong giao tiếp.

4.1.3. Phân tích diễn ngôn trong không gian số (Androutsopoulos, 2006, 2007)

Trong bối cảnh truyền thông kỹ thuật số, Androutsopoulos (2007) nhấn mạnh rằng các hiện tượng ngôn ngữ như trộn mã không thể tách rời khỏi các yếu tố *công nghệ, nền tảng và tính biểu diễn*. Tác giả khẳng định rằng: “Việc chuyển đổi ngôn ngữ (code-switching) trong giao tiếp trực tuyến thường phục vụ cho việc thể hiện bản sắc, tạo phong cách và định vị vị thế.” (tr.92). Theo đó, việc trộn mã trong các phát ngôn mạng không chỉ nhằm mục tiêu giao tiếp, mà còn là một *hình thức thể hiện bản thân* (self-performance), được định hình bởi đặc điểm kỹ thuật của nền tảng và kì vọng của cộng đồng trực tuyến.

Việc đặt hiện tượng trộn mã trong khung phân tích này cho phép chúng tôi nghiên cứu tiếp cận hiện tượng trộn mã như một chiến lược tương tác xã hội số hơn là một biểu hiện ngôn ngữ đơn thuần.

4.2. Phân biệt “trộn mã” và “chuyển mã”

Trên thực tế, hai hiện tượng *chuyển mã* (code-switching) và *trộn mã* (code-mixing) thường được sử dụng để mô tả hành vi ngôn ngữ của người nói hai (hoặc nhiều) ngôn ngữ trong cùng một ngữ cảnh. Mặc dù đôi khi được dùng thay thế cho nhau, các nghiên cứu ngôn ngữ học đã chỉ ra những khác biệt đáng kể giữa hai khái niệm này ở cả bình diện cú pháp lẫn chức năng giao tiếp.

Chuyển mã đề cập đến việc thay đổi có chủ đích giữa hai ngôn ngữ trong một diễn ngôn, thường xảy ra ở ranh giới giữa các câu hoặc các mệnh đề độc lập. Theo Poplack (1980), chuyển mã có thể được chia thành hai dạng chính: inter-sentential switching (giữa các câu) và intra-sentential switching (trong cùng một câu). Poplack định nghĩa: “*Chuyển đổi mã (code-switching) là sự luân phiên sử dụng hai ngôn ngữ trong phạm vi một diễn ngôn, một câu hoặc một thành phần câu*” (Poplack, 1980, tr.583). Hoặc theo Gumperz: “*Chuyển mã thường phản ánh trình độ song ngữ thành thạo của người nói và có thể được sử dụng để phục vụ các mục đích xã hội, tu từ hoặc chiến lược giao tiếp như đánh dấu sự thay đổi chủ đề, nhấn mạnh, hay xác định bản sắc nhóm*” (Gumperz, 1982, tr.59).

Ngược lại, trộn mã là sự kết hợp các yếu tố từ hai ngôn ngữ trong cùng một phát ngôn, thường ở cấp độ từ hoặc cụm từ, và thường không vượt quá phạm vi cú pháp của một câu. Theo Muysken (2000), trộn mã được hiểu như: “*Hiện tượng chuyển đổi mã (code-switching) bao hàm mọi trường hợp mà các đơn vị từ vựng (lexical items) và các đặc trưng ngữ pháp (grammatical features) có nguồn gốc từ hai hệ thống ngôn ngữ khác nhau đồng hiện trong cấu trúc của một phát ngôn đơn lẻ.*” (Muysken, 2000, tr.1).

Khác với chuyển mã, trộn mã thường phản ánh sự pha trộn ngôn ngữ mang tính hệ thống trong cộng đồng song ngữ, đặc biệt ở cấp độ hình thái - cú pháp.

Tóm lại, điểm khác biệt chính yếu giữa hai hiện tượng nằm ở cấp độ cấu trúc và mục đích sử dụng: trộn mã là sự thay đổi rõ ràng giữa các mã ở ranh giới cú pháp lớn và mang nhiều ý nghĩa xã hội, trong khi chuyển mã là sự pha trộn linh hoạt ở cấp độ từ vựng hoặc ngữ pháp nhỏ hơn, thường xảy ra trong bối cảnh sử dụng tự nhiên của người song ngữ.

5. Kết quả và thảo luận

5.1. Kết quả

5.1.1. Khảo sát định lượng

Tổng số 1200 mẫu dữ liệu thu thập từ các nền tảng mạng xã hội được phân loại theo ba loại hình trộn mã chính. Kết quả thống kê như sau:

- Trộn mã từ vựng chiếm 71,8%, phổ biến nhất trên nền tảng TikTok và Facebook. Các từ tiếng Anh như *deadline, feedback, crush, vibe* xuất hiện dày đặc trong văn cảnh tiếng Việt.
- Trộn mã cú pháp chiếm 18,6%, thường gặp ở người dùng thuộc nhóm 23-30 tuổi, trong các tình huống bán trang trọng hoặc khi nói với người cùng chuyên ngành (ví dụ: “*Mình sẽ join meeting lúc 2h nhé*”, “*Hướng dẫn quay video, Cách setup quay xả source*”).
- Trộn mã ngữ dụng - biểu tượng (bao gồm emoji, sticker, meme kèm biểu ngữ) chiếm 9,6%, thường thấy trong các bài đăng phản ánh cảm xúc cá nhân hoặc tương tác ngắn dạng story/comment.

Phân tích theo nhóm tuổi cho thấy:

Nhóm 15-22 tuổi chiếm tỉ lệ trộn mã cao nhất (78,2%), đặc biệt là khi diễn đạt các nội dung giải trí và chia sẻ cảm xúc. Nhóm 23-30 tuổi thể hiện xu hướng trộn mã với các thuật ngữ chuyên môn, giáo dục hoặc phong cách “bán trang trọng”. Nhóm trên 30 tuổi có xu hướng sử dụng các cụm trộn mã ổn định hơn, chủ yếu trong bối cảnh công việc hoặc giao tiếp qua nền tảng mạng xã hội Zalo, Facebook, TikTok,...

5.1.2. Phân tích định tính và diễn ngôn

Phân tích diễn ngôn các bài đăng có lượt tương tác cao cho thấy trộn mã không chỉ là lựa chọn ngôn ngữ mang tính tự nhiên, mà còn là công cụ phong cách. Ví dụ:

“Chốt đơn liền tay nha, deal này only hôm nay 🍕🔥” - biểu hiện cho việc sử dụng trộn mã như chiến lược marketing bán hàng trên Facebook.

“Làm bài thi online xong mà kiểu out of mood luôn 😞” - thể hiện trộn mã như phương tiện biểu đạt cảm xúc theo ngôn ngữ Gen Z.

Phân tích định tính cho thấy, hiện tượng trộn mã được nhiều nhà sáng tạo nội dung (content creator) sử dụng như một chiến lược nhằm tăng tính hấp dẫn và hiệu quả truyền thông trong các sản phẩm sáng tạo nội dung hoặc bài đăng quảng cáo. Một ví dụ tiêu biểu là video TikTok của một *beauty influencer* với câu giới thiệu: “Mọi người ơi, today mình sẽ review một em cushion siêu affordable nhưng high coverage nha!”. Trong đoạn này, các từ tiếng Anh như “today”, “affordable”, “high coverage” được đan xen vào câu tiếng Việt không chỉ để tạo hiệu ứng hiện đại, hợp thời mà còn thể hiện sự hiểu biết chuyên sâu về mỹ phẩm - vốn là lĩnh vực có thuật ngữ tiếng Anh phổ biến. Việc trộn mã giúp người sáng tạo nội dung định vị hình ảnh cá nhân là “thành thạo ngôn ngữ chuyên ngành”, đồng thời thu hút sự ghi nhận của nhóm người theo dõi trẻ tuổi.

Song song đó, khảo sát định tính với nhóm người dùng Gen Z và Gen Y cho thấy họ thường sử dụng trộn mã trong bình luận, bài đăng (caption) hoặc đoạn hội thoại ngắn với quan điểm: (1) “nghe trendy và đỡ nhàm”, (2) “thể hiện cá tính hoặc hiểu biết chuyên môn”, và (3) “ngắn gọn, dễ truyền đạt”. Một người dùng Gen Z chia sẻ: “Viết ‘deal siêu hời last minute’ nhìn bắt mắt hơn là ‘ưu đãi phút chót’ - cái vibe nó khác á!”. Qua đó có thể thấy, trộn mã không chỉ là biểu hiện ngôn ngữ mà còn gắn với hành vi tạo dựng phong cách cá nhân và tiếp thị nội dung trong bối cảnh truyền thông số.

Dữ liệu còn cho thấy trộn mã đóng vai trò như chỉ báo nhận diện cộng đồng. Việc người dùng sử dụng các dạng thức khác nhau của biểu tượng (tĩnh, động, hình ảnh chế...) hoặc cụm tiếng Anh đồng bộ hoá ngữ cảnh giao tiếp của họ với một hệ sinh thái ngôn ngữ toàn cầu, đồng thời tạo nên một mã văn hoá nội tại trong nhóm xã hội đó.

5.1.3. Các thành tố trong cấu trúc trộn mã tiếng Việt

Hiện tượng trộn mã trong tiếng Việt hiện đại diễn ra không chỉ ở cấp độ ngôn ngữ học đơn thuần, mà còn là kết quả của sự tương tác giữa nhiều thành tố cấu trúc ngôn ngữ và kí hiệu xã hội - thị giác. Qua phân tích các mẫu thu thập trên mạng xã hội và văn bản số, bài viết nhận diện ba nhóm thành tố chính trong cấu trúc trộn mã:

1) *Tiếng Việt đóng vai trò là ngôn ngữ nền*: là thành tố ngôn ngữ chính trong đó các yếu tố ngoại ngữ được chèn lồng. Cấu trúc ngữ pháp tiếng Việt được giữ ổn định, trong khi các từ hoặc cụm từ nước ngoài đóng vai trò là yếu tố điểm nhấn về nghĩa hoặc sắc thái. Ví dụ:

“Hôm nay em phải submit report đúng giờ nhé.”

“Rep inbox chị liền, gấp lắm!”

Các câu này cho thấy sự trộn mã từ vựng đơn lẻ (submit, rep) vào cấu trúc câu tiếng Việt hoàn chỉnh, đúng với mô tả dạng xen cài (insertion) của Muysken [1].

- Các ngôn ngữ được sử dụng phổ biến trong trộn mã tiếng Việt bao gồm:

Tiếng Anh: chiếm ưu thế tuyệt đối, với các từ như *deadline*, *feedback*, *mood*, *deal*, *vibe*, *style*, *outfit*...

Tiếng Hàn, Nhật, Trung: phổ biến trong giới trẻ hâm mộ các nền công nghiệp văn hoá Nhật, Hàn, Trung (các cộng đồng như K-pop, J-pop, C-drama), ví dụ: *oppa*, *aegyo*, *saranghae*, *senpai*, *kawaii*, *daebak*, *xie xie*,...

Tiếng Pháp, Đức: xuất hiện ít hơn, thường gặp trong giới du học sinh hoặc các ngành đặc thù, ví dụ *bonjour, merci, morgen, arbeit, Déjà vu, Rendez-vous, Haute couture...*

Một số kết hợp thường gặp như:

"View này đúng chuẩn Instagrammable, chụp xong đăng liền."

"Show lần này đậm chất haute couture luôn"

"Tối nay chill nhẹ với mấy oppa nhé!"

2) Tiếng lóng và từ chuyên biệt

Nhóm này bao gồm các biến thể phi chuẩn của tiếng Việt hoặc vay mượn từ ngôn ngữ mạng, chia thành các nhóm nhỏ:

Tiếng lóng hài hước của giới trẻ: *xìu up xìu down, cringe, khoai thật sự, đỉnh của chóp...*

Từ ngữ tục hoá, phi chuẩn: *vl, éo, toang, what đờ heo, wtf...*

Thuật ngữ chuyên ngành, từ nghề nghiệp: thường trong lĩnh vực truyền thông, công nghệ, tài chính như *brief, client, deck, KPI, backend, data pipeline...*

Các thành tố này thường có vai trò định hình phong cách cá nhân, thể hiện thẩm quyền chuyên môn, hoặc tạo dựng giọng điệu không chính thống để thu hút người đọc.

3) Biểu tượng số và tu từ đồ hình

Trộn mã hiện đại không giới hạn trong văn bản chữ. mà kết hợp với các yếu tố kí hiệu học:

Emoji/ Sticker / GIF ví dụ như "mệt ☹️" "done ¹⁰⁰" "không thể chịu nổi 🤔 🤔" mang lại chiều kích biểu cảm phi ngôn ngữ.

Sticker/ GIF/ biểu tượng meme: Dạng đồ hình ngôn ngữ với ngữ cảnh xã hội gắn kèm hình ảnh thể hiện hàm ý hài hước, ẩn dụ hoặc cảm xúc vượt ngoài khả năng biểu đạt của ngôn từ, ví dụ meme gắn với caption "*cạn lời always*" hoặc như hình ảnh bên cạnh.

Tu từ đồ hình hoặc các dấu hiệu thị giác: Cách này ngắt dòng bất thường, viết hoa xen kẽ, gạch chân hoặc sử dụng kí hiệu như ★, ✨ như: "CỰC KÌ HÀI 🤔 luôn đó nha!!!" hoặc "CÚTTTT đi!!!". Nhóm thành tố này mang tính kí hiệu học và có tác động mạnh đến cách tiếp nhận và kiến tạo ý nghĩa trong giao tiếp số.

Sự kết hợp giữa các thành tố ngôn ngữ và phi ngôn ngữ này tạo thành một mạng lưới giao tiếp lai hoá, nơi các lớp nghĩa được diễn đạt không chỉ bằng từ ngữ mà còn bằng biểu tượng, hình ảnh và hình thức trình bày - phản ánh rõ nét đặc điểm của diễn ngôn kĩ thuật số hiện đại. Có thể khái quát bằng bảng mô tả sau:

Thành tố	Mô tả	Ví dụ
Tiếng Việt	Là hệ cú pháp chính, trộn mã xảy ra khi từ/cụm ngoại ngữ được chèn vào cấu trúc tiếng Việt.	"Rep inbox chị liền, gấp lắm!"
Từ ngữ ngoại ngữ	Từ vựng mượn từ các ngôn ngữ khác, phổ biến nhất là tiếng Anh.	"Deadline <i>morgen</i> rồi mà chưa làm gì cả."; "Tối nay chill nhẹ với mấy <i>oppa</i> nhé!"
Tiếng lóng và từ chuyên biệt	Gồm các từ lóng hài hước, tục hoá và thuật ngữ chuyên ngành.	"Đỉnh của chóp"; "Client khó tính vl luôn!"; "Toang thật sự."
Biểu tượng số & tu từ đồ hình	Emoji, sticker, meme, kí hiệu thị giác tăng chiều kích biểu cảm.	"Xong task rồi ¹⁰⁰ 🔥"; "CỰC KÌ HÀI 🤔 luôn đó nha!!!"



Bảng trên minh họa rõ các thành tố tạo nên cấu trúc trộn mã trong tiếng Việt hiện đại - một hiện tượng không chỉ được cấu thành bởi các thành tố ngôn ngữ học mà còn kết hợp cả kí hiệu học và xã hội học.

5.2. Thảo luận

Từ việc phân tích dữ liệu định lượng và định tính về hiện tượng trộn mã trong tiếng Việt, liên hệ với các biểu hiện tương tự ở cộng đồng các ngôn ngữ trên thế giới, bài báo bước đầu đưa ra một số nhận định về sự tồn tại cũng như những tác động đa chiều của hiện tượng này.

(i) *Các yếu tố kiến tạo hiện tượng trộn mã trong tiếng Việt*: Hiện tượng trộn mã ngày càng ở trên phổ biến trong bối cảnh tiếng Việt đương đại. Sự trỗi dậy của hiện tượng này không thể được giải thích một cách đơn lẻ mà là kết quả của sự hội tụ và tương tác phức tạp giữa các yếu tố thuộc bình diện kinh tế - xã hội, văn hoá và ngôn ngữ.

(ii) *Tác động của toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế*: Trong kỉ nguyên toàn cầu hoá, sự gia tăng tương tác xuyên quốc gia trên nhiều lĩnh vực đã tạo ra môi trường thuận lợi cho việc tiếp xúc ngôn ngữ đa dạng. Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, thể hiện qua việc Việt Nam tham gia vào các tổ chức thương mại khu vực và toàn cầu (WTO, TPP...), hợp tác đa phương, kéo theo sự gia tăng giao dịch thương mại, đầu tư nước ngoài và luồng dịch chuyển lao động quốc tế. Theo số liệu thống kê của Tổng cục Thống kê (2023), số lượng người Việt Nam làm việc và học tập ở nước ngoài, cũng như số lượng người nước ngoài đến Việt Nam, đã có sự tăng trưởng đáng kể trong thập kỉ qua. Sự tiếp xúc ngôn ngữ trực tiếp và gián tiếp (thông qua truyền thông quốc tế, internet) này tạo điều kiện cho việc thâm nhập và sử dụng các yếu tố ngôn ngữ ngoại lai, đặc biệt là tiếng Anh vào tiếng Việt.

(iii) *Vai trò xúc tác của công nghệ thông tin và truyền thông*: Sự bùng nổ của công nghệ thông tin và truyền thông, đặc biệt là sự lan tỏa của internet và các nền tảng mạng xã hội đã cách mạng hoá phương thức giao tiếp và tương tác ngôn ngữ. Theo báo cáo "Digital 2024: Vietnam" của We Are Social và Meltwater, tỉ lệ người dùng internet và mạng xã hội ở Việt Nam đạt mức cao, với phần lớn dân số trẻ hoạt động tích cực trên các nền tảng này. Môi trường trực tuyến, với đặc trưng về tính phi chính thức, tốc độ truyền tải nhanh và khả năng tiếp cận thông tin đa dạng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng linh hoạt các mã ngôn ngữ khác nhau. Các nghiên cứu về ngôn ngữ internet (Crystal, 2001) chỉ ra rằng môi trường trực tuyến thường khuyến khích sự pha trộn ngôn ngữ để đạt được hiệu quả giao tiếp, thể hiện bản sắc và thích ứng với các chuẩn mực giao tiếp trực tuyến. Khảo sát của Nguyễn Thị Huyền về ngôn ngữ của sinh viên trên mạng xã hội cho thấy tần suất sử dụng các từ viết tắt, từ lóng tiếng Anh và các cụm từ pha trộn tiếng Anh - Việt khá cao.

(iv) *Vị thế của tiếng Anh trong công cuộc toàn cầu hoá*: Tiếng Anh đã xác lập vị thế là một ngôn ngữ toàn cầu trong nhiều lĩnh vực then chốt như khoa học, công nghệ, kinh doanh, giáo dục và giải trí (Crystal, 2003). Sự thống trị này dẫn đến việc tiếng Anh trở thành một công cụ giao tiếp quốc tế quan trọng và một nguồn cung cấp từ vựng phong phú cho nhiều ngôn ngữ khác, bao gồm cả tiếng Việt. Việc sử dụng các thuật ngữ chuyên ngành, từ vựng kĩ thuật và các cụm từ tiếng Anh trong giao tiếp tiếng Việt, đặc biệt trong các bối cảnh học thuật, chuyên môn và kinh doanh, thường được xem là một biểu hiện của sự am hiểu, cập nhật kiến thức và hội nhập quốc tế. Nghiên cứu của nhiều nhà ngôn ngữ học như Nguyễn Văn Khang đã chỉ ra quá trình Việt hoá các thuật ngữ khoa học có nguồn gốc từ tiếng Pháp, tiếng Nga trong giai đoạn trước, và hiện nay, tiếng Anh đang đóng vai trò tương tự. Các nghiên cứu gần đây về ngôn ngữ trong môi trường doanh nghiệp đa quốc gia tại Việt Nam cũng ghi nhận sự phổ biến của việc sử dụng tiếng Anh xen kẽ trong các cuộc họp và trao đổi công việc.

(v) *Ảnh hưởng của thái độ ngôn ngữ và nhận thức xã hội*: Thái độ và nhận thức của cộng đồng đối với việc sử dụng ngôn ngữ vay mượn và trộn mã có vai trò quan trọng trong việc định hình sự phổ biến của hiện tượng này. Trong một số cộng đồng và ngữ cảnh, việc sử dụng các yếu tố ngôn ngữ nước ngoài có thể được đánh giá tích cực, gắn liền với các giá trị như sự hiện đại, tri thức và tính quốc tế (Gardner-Chloros, 2009). Đặc biệt đối với giới trẻ, việc sử dụng các từ lóng, thuật ngữ tiếng Anh hoặc các cụm từ pha trộn có thể là một cách để thể hiện bản sắc nhóm, sự khác biệt và tinh thần

hội nhập văn hoá toàn cầu (Bucholtz & Hall, 2005). Tuy nhiên, cũng tồn tại những quan điểm truyền thống, lo ngại về sự "lai căng" và xói mòn sự trong sáng của tiếng Việt (Hoàng Văn Hành, 2012). Sự tương tác giữa các thái độ ngôn ngữ khác nhau này tạo ra một không gian tranh luận và định hướng về chuẩn mực sử dụng ngôn ngữ, qua đó ảnh hưởng đến tần suất và hình thức trộn mã.

(vi) *Đặc điểm cấu trúc và tính linh hoạt của tiếng Việt*: Về bản chất thì đặc điểm loại hình của tiếng Việt là yếu tố tạo điều kiện thuận lợi cho hiện tượng trộn mã. Với đặc trưng của loại hình ngôn ngữ đơn lập, các từ không biến đổi hình thái giúp việc chèn các từ ngữ từ các ngôn ngữ có hình thái phức tạp hơn (như tiếng Anh với các hậu tố số nhiều, thì, dạng động từ) trở nên dễ dàng hơn về mặt ngữ pháp. Bên cạnh đó, khả năng Việt hoá các từ ngữ nước ngoài thông qua phiên âm và sử dụng trong các cấu trúc ngữ pháp tiếng Việt ("check-in", "online", "deadline") cho thấy sự linh hoạt của hệ thống ngôn ngữ trong việc tiếp nhận và tích hợp các yếu tố ngoại lai.

Có thể thấy rằng, hiện tượng trộn mã trong tiếng Việt đương đại là một hiện tượng ngôn ngữ phức tạp và đa diện, được kiến tạo bởi sự tương tác của hàng loạt các yếu tố kinh tế - xã hội (toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế), công nghệ (sự phát triển của internet và mạng xã hội), văn hoá (vai trò của tiếng Anh như *lingua franca*, thái độ ngôn ngữ) và ngôn ngữ (đặc điểm cấu trúc và tính linh hoạt của tiếng Việt). Việc tiếp tục nghiên cứu sâu rộng, dựa trên các phương pháp phân tích định lượng và định tính, là cần thiết để hiểu rõ hơn về các động lực, xu hướng và hệ quả của hiện tượng này đối với sự phát triển của tiếng Việt trong bối cảnh xã hội hiện đại.

(vii) *Tầm tác động của hiện tượng trộn mã ở Việt Nam*: Hiện tượng trộn mã trong tiếng Việt hiện đại tạo ra những ảnh hưởng đa chiều đến hệ thống ngôn ngữ và đời sống xã hội - văn hoá.

a. Tác động tích cực:

Một trong những hệ quả đáng chú ý của hiện tượng trộn mã là khả năng làm giàu đáng kể hệ thống biểu đạt của tiếng Việt. Sự thâm nhập của từ vựng mới, đặc biệt từ tiếng Anh, đã đáp ứng nhu cầu diễn đạt trong các lĩnh vực công nghệ, truyền thông và kinh doanh, minh chứng qua việc sử dụng phổ biến các thuật ngữ như content, brand, target, cash flow, stock... Bên cạnh đó, việc linh hoạt vận dụng các cấu trúc ngôn ngữ pha trộn còn mở rộng biên độ biểu cảm, cho phép người sử dụng ngôn ngữ thể hiện sắc thái cảm xúc, thái độ và cá tính một cách đa dạng hơn trong giao tiếp. Trong bối cảnh môi trường số ngày càng chiếm ưu thế, hiện tượng trộn mã còn góp phần tăng cường tính hiệu quả của giao tiếp trực tuyến. Sự kết hợp giữa các biểu tượng phi ngôn ngữ như *emoji*, *sticker*, *meme* và các trích đoạn ngoại ngữ giúp tối ưu hoá tốc độ truyền tải thông tin, đặc biệt trong các hình thức giao tiếp ngắn gọn trên mạng xã hội hay lời bình trong các đoạn phim ngắn. Điều này phản ánh nỗ lực thích ứng của người sử dụng ngôn ngữ với đặc trưng của môi trường giao tiếp kỹ thuật số.

Đáng chú ý, hiện tượng trộn mã còn mang trong mình dấu ấn của bản sắc thế hệ, đặc biệt rõ nét trên không gian mạng - môi trường giao tiếp chính của người trẻ. Việc sử dụng ngôn ngữ pha trộn không chỉ thể hiện sự hội nhập quốc tế và khả năng thích ứng linh hoạt với môi trường số mà còn củng cố ý thức về một cộng đồng ngôn ngữ chung của thế hệ trẻ, tạo ra một phương thức giao tiếp mang tính nhận diện nhóm.

Trong lĩnh vực truyền thông và sáng tạo nội dung, đặc biệt là quảng cáo, giáo dục trực tuyến và truyền thông mạng xã hội, trộn mã được khai thác như một chiến lược mang tính sáng tạo cao. Việc khéo léo kết hợp các yếu tố ngôn ngữ khác nhau giúp thu hút sự chú ý của đối tượng mục tiêu và tạo ra những thông điệp độc đáo, dễ tiếp cận và có tính tương tác cao.

b. Tác động tiêu cực:

Một trong những lo ngại hàng đầu là nguy cơ xói mòn các chuẩn mực ngôn ngữ chính thống. Việc du nhập một cách ồ ạt và thiếu chọn lọc các đơn vị từ vựng và cấu trúc ngữ nghĩa từ tiếng Anh vào diễn ngôn tiếng Việt đang góp phần làm mờ nhòe ranh giới giữa ngôn ngữ chuẩn mực và các biến thể ngôn ngữ phi chuẩn trong không gian mạng. Xu hướng này tiềm ẩn nguy cơ dẫn đến lệch chuẩn trong năng lực nhận thức và thực hành các quy tắc ngôn ngữ chính thống, từ đó ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả của hoạt động giảng dạy và học tập tiếng Việt. Việc thiếu hụt một hệ thống chuẩn mực rõ ràng, cùng với sự pha trộn thiếu kiểm soát giữa các phong cách ngôn ngữ, có thể làm hạn chế năng

lực diễn đạt tiếng Việt một cách mạch lạc, chính xác và biểu cảm tích cực ở thế hệ trẻ, đồng thời đặt ra những thách thức nghiêm trọng đối với việc bảo tồn tính trong sáng và chuẩn mực của ngôn ngữ dân tộc.

Một hệ quả tiêu cực đáng lưu ý khác của hiện tượng trộn mã là khả năng gây cản trở đối với quá trình tiếp nhận thông tin của các nhóm cộng đồng có đặc điểm xã hội - ngôn ngữ khác biệt. Việc sử dụng mã ngôn ngữ lai, đặc biệt với tần suất cao và bao gồm các thuật ngữ chuyên ngành chưa được giải thích hoặc chuyển ngữ thích đáng, có thể tạo ra những rào cản giao tiếp đáng kể đối với các đối tượng ít tiếp xúc với môi trường số hoặc không thông thạo ngoại ngữ, tiêu biểu là người cao tuổi và cư dân khu vực nông thôn. Tình trạng này làm gia tăng nguy cơ phân mảnh ngôn ngữ và văn hoá trong nội bộ cộng đồng ngôn ngữ, đồng thời góp phần hình thành khoảng cách giao tiếp ngày càng rõ nét giữa các thế hệ và các vùng địa lý, ảnh hưởng đến tính gắn kết xã hội và sự thống nhất của ngôn ngữ quốc gia.

Ngoài ra, việc ưu tiên sử dụng từ ngữ và cấu trúc tiếng nước ngoài trong nhiều ngữ cảnh, bao gồm cả các tình huống đòi hỏi sự biểu đạt tinh tế về cảm xúc và ý nghĩa chuyên môn, có thể dẫn đến sự lệ thuộc vào ngoại ngữ trong diễn đạt tư duy. Về lâu dài, điều này có khả năng ảnh hưởng đến năng lực tư duy độc lập và sâu sắc bằng tiếng Việt, đặt ra nguy cơ về sự đồng hoá ngôn ngữ ở một mức độ nhất định.

Cuối cùng, hiện tượng trộn mã còn đặt ra những thách thức không nhỏ đối với giáo dục ngôn ngữ và chính sách truyền thông. Các tài liệu giáo khoa, các quy định về phát ngôn công vụ và các hướng dẫn truyền thông hiện hành chưa có những giải pháp hiệu quả để xử lý hiện tượng này một cách nhất quán. Điều này có thể làm gia tăng sự bất cập giữa thực tiễn sử dụng ngôn ngữ đa dạng và các quy chuẩn ngôn ngữ học thuật hoặc chính sách truyền thông giáo dục.

6. Kết luận

Nghiên cứu này đã tiến hành tổng thuật và phân tích hiện tượng trộn mã trong tiếng Việt hiện đại từ ba bình diện chủ yếu: cấu trúc ngôn ngữ, ngữ dụng xã hội và bối cảnh văn hoá - kĩ thuật số. Dưới ánh xạ lí thuyết của Muysken (2000), Auer (1998) và Gumperz (1982), kết hợp với nguồn dữ liệu khảo sát thực nghiệm từ các nền tảng truyền thông số phổ biến, cũng như các công trình tương tự trong và ngoài nước, nghiên cứu đã xác định được các đặc trưng hình thức của trộn mã, những thành tố chi phối sự vận hành của hiện tượng này, cũng như các hệ quả xã hội - văn hoá kèm theo.

Kết quả cho thấy, trộn mã trong tiếng Việt không phải là biểu hiện ngôn ngữ lệch chuẩn mang tính ngẫu nhiên, mà là một cơ chế thích nghi mang tính hệ thống, phản ánh chiến lược giao tiếp linh hoạt của người dùng trong bối cảnh truyền thông mới. Trộn mã góp phần nâng cao hiệu quả truyền đạt, thể hiện bản sắc xã hội của chủ thể giao tiếp, đồng thời tham gia vào quá trình tái cấu trúc hình thức diễn ngôn trong các cộng đồng số.

Có thể thấy, trộn mã trong tiếng Việt hiện đại không đơn thuần là một hiện tượng ngôn ngữ mang tính thời sự, mà còn là chỉ báo của những biến đổi sâu rộng trong cấu trúc giao tiếp và các quan hệ xã hội trong không gian số. Việc tiếp cận hiện tượng này một cách liên ngành, gắn kết giữa ngôn ngữ học, xã hội học và công nghệ thông tin, là yêu cầu cấp thiết nhằm xây dựng các chính sách ngôn ngữ phù hợp trong bối cảnh toàn cầu hoá và chuyển đổi số hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nguyễn Văn Khang (2012), *Ngôn ngữ học xã hội*. Nxb Giáo dục Việt Nam.
2. Nguyễn Văn Khang (2023), *Ngôn ngữ sử dụng ở vùng dân tộc thiểu số Việt Nam*. Nxb Giáo dục Việt Nam.
3. Nguyễn Văn Khang (2007), *Từ ngoại lai trong tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
4. Hoàng Văn Hành (2012), *Về vấn đề giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
5. Nguyễn Thị Huyền (2017), *Hiện tượng trộn mã tiếng Anh trong giao tiếp tiếng Việt*, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

6. Lê Thị Thùy Vinh (2024), "Code Mixing Phenomena in Vietnam Online Newspapers", *Journal of Language Teaching and Research*, Vol. 15, No. 4, pp. 1275-1286.

Tiếng nước ngoài

7. Aboelezz, M. (2009), *Writing in 'Arabizi': Transliteration and its implications for literacy*. The British University in Egypt.
8. Al Khateeb, A. (2018), The language of Arabizi: A study of code-switching, style and identity on social media. *Journal of Language and Linguistic Studies*, 14(3), 1–17. <https://www.jlls.org/index.php/jlls/article/view/3962>.
9. Androutsopoulos, J. (2006), Multilingualism, diaspora, and the Internet: Codes and identities on German-based diaspora websites. *Journal of Sociolinguistics*, 10(4), 520–547. <https://doi.org/10.1111/j.1467-9841.2006.00294.x>.
10. Androutsopoulos, J. (2007), Style online: Doing hip-hop on the German-speaking web. In B. Danet & S. C. Herring (Eds.), *The multilingual Internet: Language, culture, and communication online* (pp. 279–318). Oxford University Press.
11. Auer, P. (1998), *Code-Mixing in conversation: Language, interaction and identity*. Routledge.
12. Bautista, M. L. S. (2004). Tagalog-English code-switching as a mode of discourse. *Asia Pacific Education Review*, 5(2), 226-233.
13. Crystal, D. (2001), *Language and the Internet*. Cambridge University Press.
14. Crystal, D. (2003), *English as a global language* (2nd ed.). Cambridge University Press.
15. Gardner-Chloros, P. (2009), *Code-switching*. Cambridge University Press.
16. Gumperz, J. J. (1982), *Discourse strategies*. Cambridge University Press.
17. Muysken, P. (2000), *Bilingual speech: A typology of code-mixing*. Cambridge University Press.
18. Poplack, S. (1980), Sometimes I'll start a sentence in Spanish y termino en español: Toward a typology of code-switching. *Linguistics*, 18(7–8), 581–618. <https://doi.org/10.1515/ling.1980.18.7-8.581>.
19. Sharma, A. (2023), Hinglish: Code-mixing in Indian digital discourse. *Humanities and Social Sciences Communications*, 9(1). <https://doi.org/10.1057/s41599-023-01896-y>.
20. We Are Social & Meltwater. (2024), *Digital 2024: Vietnam*. <https://wearesocial.com/digital-2024-vietnam>.

Code-mixing in contemporary Vietnamese digital communication

Abstract: This article investigates the phenomenon of code-mixing in contemporary Vietnamese across digital communication platforms, adopting an interdisciplinary approach that integrates sociolinguistics, pragmatics, and media studies. Today, code-mixing is no longer a peripheral feature of bilingual communication but is increasingly becoming a mainstream linguistic strategy in Vietnamese digital life, especially among younger generations. Employing a mixed-methods approach combining qualitative and quantitative analysis, the study examines the forms, functions, and communicative motivations behind code-mixing practices. The phenomenon is contextualized within broader processes of language globalization and multi-platform media interaction. The findings indicate that code-mixing reflects linguistic flexibility, cultural identity shifts, and the ongoing repositioning of the Vietnamese language in modern communicative spaces.

Key words: code-mixing; contemporary Vietnamese; digital communication; identity; language globalization.